

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2026
V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Văn Thành

Ông Trần Đình Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lô Quốc Át** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vi Văn L, sinh năm 1986 (Có đơn xét xử vắng mặt)

HKTT: Bản T, xã T, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Quang Thị C. Sinh năm 1989 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Địa chỉ: Bản T, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn L trình bày:

Tình cảm: Anh L và chị Quang Thị C tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2012. Anh L và chị C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 07 tháng 02 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại bản T, xã T, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không tìm hiểu kỹ nên khi về chung

sống thì không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và xúc phạm nhau thậm tệ, càng chung sống tính cách càng khác nhau nên vợ chồng xảy ra quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên vào năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Anh L và chị C có 02 con chung tên cháu là Vi Văn G, sinh ngày 17/5/2009 và cháu Vi Thị Ánh N, sinh ngày 01/11/2011 hiện nay các cháu sống với tôi tại bản bản Bản T, xã T, tỉnh Nghệ An. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh Vi Văn L có nguyện vọng xin được chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành vì từ nhỏ cháu một mình anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn chị Quang Thị C nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tại địa phương: Chị Quang Thị C và anh Vi Văn L có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã T, tỉnh Nghệ An có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 07/02/2012 và có 02 con chung tên là Vi Văn G, sinh ngày 17/5/2009 và cháu Vi Thị Ánh N, sinh ngày 01/11/2011. Hiện nay cháu sống cùng với anh Vi Văn L. Chị C hiện nay đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng khoảng 4 đến 5 tháng chị C mới về thăm nhà.

Tại biên bản lấy lời khai của các cháu Vi Văn G và Vi Thị Ánh N con chung của anh Vi Văn L và anh Quang Thị C thì các cháu có nguyện vọng sống với anh Vi Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn anh Vi Văn L cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho anh Vi Văn L được ly hôn với chị Quang Thị C; Con C1: Giao các cháu Vi Văn G, sinh ngày 17/5/2009 và cháu Vi Thị Ánh N, sinh ngày 01/11/2011 cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C; tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Án phí: Anh Vi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Quang Thị C có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Vi Văn L và bị đơn chị Quang Thị C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện dân khu vực 11- Nghệ An. Bị đơn được triệu tập họp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng khoảng 4 đến 5 tháng mới về nhà và có liên lạc với gia đình, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh L và chị C kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã T, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyền, số 08 ngày 07/02/2012 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Anh L và chị C có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh L và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Anh L và chị C có 02 con chung là cháu Vi Văn G, sinh ngày 17/5/2009 và cháu Vi Thị Ánh N, sinh ngày 01/11/2011 hiện cháu các cháu sống cùng với anh Vi Văn L tại bản T, xã T, tỉnh Nghệ An, khi ly hôn anh Vi Văn L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và đây cũng là nguyện vọng của các cháu. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu cần tiếp tục giao các cháu cho anh Vi Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về cấp dưỡng con chung anh L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Anh Vi Văn L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Anh Vi Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn L.

1. Quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận anh Vi Văn L được ly hôn với chị Quang Thị C.

2. Con chung:

- Giao các cháu Vi Văn G, sinh ngày 17/5/2009 và cháu Vi Thị Ánh N, sinh ngày 01/11/2011 cho anh Vi Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị C;

- Chị Quang Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Vi Văn L và chị Quang Thị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vi Văn L chưa yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật

4. Án phí: Buộc anh Vi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền anh Vi Văn L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số **0002386 ngày 06/11/2025** tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Văn Thành

Trần Đình Hưng

Moong Công Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Quang, tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Moong Công Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Văn Thành

Trần Đình Hưng

Moong Công Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Quang, tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Moong Công Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Khăm Niên

Kha Thị Hà

Moong Công Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.Tương Dương;
- Cơ quan THADS H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Hòa;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Moong Công Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thò Bá Tẻnh

Nguyễn Thị Thu Lê

Moong Công Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.Tương Dương;
- Cơ quan THADS H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Hòa;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Moong Công Hải

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 15 tháng 4 năm 2026.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thò Bá T và ông Trần Đình H1.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2026, về
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Văn L, sinh năm 1997.

HKTT: Bản T, xã X, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Quang Thị C. Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Văn L.

Biểu quyết: 3/3

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Biểu quyết: 3/3

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Vi Văn L được ly hôn với anh Quang Thị C.

Biểu quyết: 3/3

2. Con chung: Giao cháu La Thị Diệp C2, sinh ngày 25/2/2015 cho anh Quang Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18;

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị N1;

- Chị N1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Biểu quyết: 3/3

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Buộc chị Vi Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007327 ngày 26/2/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 15 tháng 4 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thò Bá Tẻnh

Trần Đình Hưng

Moong Công Hải